

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2017

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Sĩ Trung**

2. Ông **Nguyễn Văn Trãi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2017/TLST-HNGĐ này 21 tháng 6 năm 2017 về việc “**Ly hôn**”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Phương L**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Ấp N, xã A, huyện P, thành phố Cần Thơ. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị Đơn: Anh **Hà Thanh G**, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn là Chị **Bùi Thị Phương L** trình bày:*

Chị và anh G là vợ chồng, chung sống vào năm 2004. Cuộc hôn nhân do mai mối nhưng được chị L đồng ý, được hai bên gia đình đứng ra tổ chức lễ cưới. Chị và anh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố Cần Thơ theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu chị và anh G chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con, mặc dù chị L có khuyên ngăn nhưng anh G nhưng anh G không sửa đổi. Từ đó làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị L đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo tương lai hạnh phúc chồng con nhưng không có kết quả nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Xét thấy cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, kéo dài không có kết quả nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Mai A (Nữ, sinh ngày: 09/3/2005) đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh Hà Thanh G trình bày:

Anh và chị L tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố Cần Thơ theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu anh và chị L chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, sau đó anh chị được tổ hòa giải cơ sở ấp N hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2012 thì anh làm ăn thua lỗ, chị L bỏ đi, anh đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không được, anh và chị L đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Hà Mai Anh (Nữ, sinh ngày: 09/3/2005), khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật. Giữa anh G và chị L không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị L trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hà Mai A (Nữ, sinh ngày: 09/3/2005), cho đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh G trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị L

Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hà Mai A (Nữ, sinh ngày: 09/3/2005) cho đến khi trưởng thành, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị L và anh G tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận M. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận nên khi chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn sẽ do Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết, tự nguyện từ hai phía, phải có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh G thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu phát sinh do vợ chồng không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau thường xuyên cãi vã, mặc dù anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả, ngược lại mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, cả hai đã không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Nay chị L và anh G yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Hội đồng xét xử xác định sự về thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Về con chung:

Chị L và anh G có một con chung tên là Hà Mai A (Nữ, sinh ngày: 09/3/2005), khi ly hôn chị L và anh G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi trưởng thành.

Anh G cho rằng anh nuôi cháu A từ nhỏ và cháu A mới về sống với chị L từ hè năm học 2017, hơn nửa thu nhập chị L không đảm bảo để nuôi cháu A học hành, nên anh không an tâm giao cháu A cho chị L nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu A đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đang sống ở huyện P, thành phố Cần Thơ và cháu đang làm thủ tục nhập học ở trường trung học cơ sở T, huyện P, thành phố Cần Thơ để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống, sinh hoạt, học hành của cháu và cháu A cũng có nguyện vọng được sống chung với chị L, hơn nữa cháu A là nữ nên để chị L trực nuôi dưỡng là phù hợp hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được nuôi cháu A cho đến khi trưởng thành.

[6] Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh G và chị L khi yêu cầu được trực tiếp nuôi con đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh G và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử ghi nhận, tách ra giải quyết khi có tranh chấp.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Bùi Thị Phương L

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Bùi Thị Phương L với Anh Hà Thanh G.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Mai A (Nữ, sinh ngày: 09/3/2005) cho Chị Bùi Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Không buộc anh G cấp dưỡng nuôi con.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh G và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Nguyên đơn phải nộp số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 001319 ngày 19/6/2017 thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Ô Môn;*
- *UBND phường Trường Lạc;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Quốc